

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước xã Trung Trắc năm 2025

Căn cứ kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Văn Lâm về Cải cách hành chính nhà nước huyện Văn Lâm năm 2025; Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) xã Trung Trắc năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 2/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 17/12/2024, của UBND tỉnh về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2025; Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về CCHC nhà nước huyện Văn Lâm giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

a) Cán bộ, công chức, địa phương nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để triển khai thực hiện. Các nội dung CCHC phải được triển khai đồng bộ; xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng đề ra.

b) Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; đảm bảo nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

c) Kế thừa, phát huy những kinh nghiệm, ưu điểm, kết quả đạt được trong CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn vừa qua; chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI bằng hoặc cao hơn so với năm 2024. Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cao hơn năm 2024.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

a) 100% các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được xây dựng và ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục, có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của huyện.

b) 100% các văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

c) 100% văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

d) 100% các Quyết định của UBND huyện được kiểm tra ngay sau khi được ban hành.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Trên 95% số hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn; 100% hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức theo đúng quy định.

b) 100% hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC huyện theo quy định đối với các TTHC bắt buộc phải số hóa. Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được hình thành từ năm 1997 đến năm 2021 theo đúng lộ trình đề ra tại Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh.

c) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

d) 100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và rà soát, đơn giản hóa theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

đ) 100% hồ sơ TTHC phát sinh giữa các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích.

e) 100% hồ sơ giải quyết ở cấp xã được cập nhật kịp thời trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

f) 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình, trong đó ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt từ 60% trở lên.

g) Tối thiểu 80% TTTC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán có phát sinh phí, lệ phí TTTC

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm. Thực hiện sắp xếp, giảm số lượng tổ chức hành chính theo chương trình, Kế hoạch của tỉnh; giảm đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo đạt và vượt tỷ lệ 100% chỉ tiêu do Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

b) Thực hiện giảm biên chế công chức và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của UBND tỉnh.

c) Thực hiện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã và viên chức năm 2025 đối với số biên chế chưa sử dụng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

d) Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

a) 100% cơ quan, đơn vị được phê duyệt đề án (điều chỉnh) vị trí việc làm khi có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hoặc khi bộ quản lý ngành, lĩnh vực có sự điều chỉnh về danh mục và khung năng lực của từng vị trí việc làm.

b) Thực hiện, sắp xếp cơ cấu công chức, viên chức đúng theo Danh mục vị trí việc làm được phê duyệt tại 100% các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ huyện đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trong huyện.

c) 100% công chức, viên chức của huyện được đánh giá, xếp loại gắn phân công nhiệm vụ, sản phẩm công việc hàng tháng theo Quy định số 1071-QĐ/TU ngày 05/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

d) Kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành cho 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

đ) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo quy định.

e) 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện trao đổi hoàn toàn lượng công việc trên môi trường mạng.

f) Hoàn thành việc cập nhật Cơ sở dữ liệu 100% CBCCVV của huyện bảo đảm theo quy định (đáp ứng đủ 109 trường dữ liệu thông tin), đồng bộ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVV của Bộ Nội vụ, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

g) 85% cán bộ cấp xã; 100% công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

2.5. Cải cách tài chính công

a) Phân đấu giải ngân vốn đầu tư công tối thiểu 95% kế hoạch do Ủy ban nhân dân huyện giao.

b) Phân đấu thu hút dự án đầu tư mới vào địa bàn xã tăng so với năm 2024.

c) Nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) 100% cơ quan nhà nước cấp xã sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) 60% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

c) Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại các cơ phòng, ban huyện đạt 80%; cấp xã đạt 60%.

d) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến trên cổng Dịch vụ công.

đ) Cổng thông tin điện tử của xã đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

e) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của UBND tỉnh, huyện thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Hưng Yên có tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, xây dựng văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của cấp xã.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, cụ thể, khả thi.

c) Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

d) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành làm cơ sở tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn huyện. Năm 2025, tiếp tục tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, ngăn chặn sai phạm trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác về cải cách, kiểm soát TTHC.

b) Thường xuyên rà soát, kiện toàn, tập huấn nghiệp vụ và bảo đảm chế độ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa và công chức, viên chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại UBND xã; năm 2025, tiếp tục tập trung tập huấn về thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; sử dụng tài khoản VneID trong thực hiện TTHC; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong giải quyết TTHC, thanh toán trực tuyến

c) Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến và thẩm định quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh (trong trường hợp được Luật giao), bảo đảm chỉ ban hành TTHC hợp pháp, hợp lý và có chi phí tuân thủ thấp nhất.

d) Bảo đảm công bố, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời các TTHC theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

đ) Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; hạn chế đến mức thấp nhất việc giải quyết hồ sơ TTHC quá thời hạn quy định. Trong trường hợp giải quyết quá hạn, cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xin lỗi cá nhân, tổ chức và trách nhiệm giải trình với cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định. Theo dõi, công bố, công khai, sử dụng kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ

là một căn cứ quan trọng đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Tập trung nguồn lực đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm. Xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở chú trọng sự phát hiện, đề xuất của các cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC và ý kiến phản ánh của cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện TTHC; tổ chức thực hiện Kế hoạch một cách nghiêm túc, bảo đảm ít nhất có 01 phương án đơn giản hóa TTHC được Chủ tịch UBND huyện thông qua.

f) Tiếp tục thống kê để công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo đúng tiến độ và đạt chỉ tiêu

g) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

h) Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

k) Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

l) Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo về công tác kiểm soát TTHC theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn, theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, thực hiện giảm đơn vị sự nghiệp, nâng cao mức độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế.

b) Phối hợp cơ quan cấp trên triển khai đồng bộ, toàn diện các văn bản chỉ đạo của tỉnh về tổ chức bộ máy, biên chế. Trọng tâm là thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu tinh giản biên chế: Kế hoạch số 208-KH/TU ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, giai đoạn 2023-2026; Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/7/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2026;

Chương trình hành động số 133/CTr-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 140-KH/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Kế hoạch ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: số 208 KH/TU; số 209-KH/TU; Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2026; Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 phê duyệt Đề án đảm bảo số người làm việc gắn với tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2026; Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện tổ chức sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 và Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh xây dựng, phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2025.

c) Tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, huyện về tổ chức bộ máy, biên chế. Trọng tâm là thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định của tỉnh, huyện về sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu tinh giản biên chế; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh xây dựng, phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2025.

d) Triển khai hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 383/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh quy định về hỗ trợ cán bộ, công chức nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc, chuyển công tác giai đoạn 2023-2026; số 385/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh quy định việc hỗ trợ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học khi được tuyển dụng vào các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn huyện.

đ) Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư năm 2025 theo Kế hoạch sử dụng biên chế cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm để làm cơ sở xác định biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn. Thực hiện tốt việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP

ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

b) Thường xuyên rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và tinh giản biên chế đối với công chức hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với viên chức không làm ảnh hưởng đến việc bố trí nhân sự thực hiện các nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, chuyên ngành; khi thực hiện tổ chức lại sẽ đồng thời cắt giảm biên chế dôi dư (đối với công chức) hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn b) Thường xuyên rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và tinh giản biên chế đối với công chức hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với viên chức không làm ảnh hưởng đến việc bố trí nhân sự thực hiện các nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, chuyên ngành; khi thực hiện tổ chức lại sẽ đồng thời cắt giảm biên chế dôi dư (đối với công chức).

c) Triển khai thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức trên địa bàn xã năm 2025.

d) Tổ chức, cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

đ) Thực hiện các quy định về công tác cán bộ theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị; đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức đảm bảo đúng quy định.

e) Cập nhật Cơ sở dữ liệu về cán bộ công chức viên chức bảo đảm theo quy định.

g) Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

5. Cải cách tài chính công

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch ngày 07/7/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh như: số 208- KH/TU triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, giai đoạn 2023-2026, số 209-KH/TU về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đến năm 2026; Chương trình hành động số 133/CTr-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 140-KH/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Công

văn số 2515/UBND-NC ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh Hưng yên về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành kèm theo Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị.

b) Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

c) Tăng cường công tác tự kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, định mức thu, chi ngân sách nhà nước; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán); triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để sớm thi công dự án. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước khi có khối lượng nghiệm thu, không để dồn thanh toán vào cuối năm và không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

đ) Tập trung giải quyết công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư kịp thời, đúng quy định cho người dân, bảo đảm đúng pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân. Tăng cường nhân lực có chất lượng cho công tác quản lý đất đai xã, quản lý hiệu lực, hiệu quả đất đai, nhất là nguồn gốc đất, quy hoạch sử dụng các loại đất... hạn chế tối đa việc điều chỉnh phương án đền bù, bảo đảm tiến độ thực hiện.

e) Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả đầu tư; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục đảm bảo hạ tầng kỹ thuật CNTT, các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống chuyên ngành hoạt động ổn định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi sử dụng các ứng dụng và trong triển khai ứng dụng mới.

b) Các văn bản điện tử gửi tên môi trường mạng (qua các ứng dụng khác nhau) phải được ký số đầy đủ, bao gồm có đủ chữ ký số của lãnh đạo và ký số của cơ quan (dấu của cơ quan). Các tài liệu liên quan đến công việc chuyên môn nghiệp vụ phải được tạo lập hồ sơ công việc ngay khi bắt đầu thực hiện.

c) Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch: số 23/KH-UBND ngày 02/02/2021 của UBND tỉnh về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đúng tiến độ, đồng bộ và phát huy hiệu quả.

d) Cung cấp đầy đủ thông tin tại các chuyên mục cụ thể trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước huyện theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ phục vụ tra cứu, tìm kiếm thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng. Cung cấp đầy đủ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên Cổng dữ liệu mở của huyện.

đ) Tiếp tục nâng cấp về hạ tầng và hoàn thiện phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC huyện phục vụ tốt công tác giải quyết TTHC trên địa bàn huyện và đảm bảo tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh, huyện và địa phương. Rà soát các TTHC đủ điều kiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hoàn toàn trực tuyến để cung cấp dưới dạng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên cổng Dịch vụ công tỉnh và được đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia. Đẩy mạnh giải quyết TTHC bằng hình thức trực tuyến để nâng cao hiệu quả CCHC.

e) Bổ sung, nâng cấp các module chức năng hiện có trên các nền tảng (web và di động) của Trung tâm điều hành thông minh; bổ sung các chức năng giám sát các lĩnh vực khác phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo huyện liên quan đến công tác CCHC; tiếp tục bổ sung, tích hợp hệ thống theo mô hình của Đề án 06; xây dựng phương án hạ tầng Trung tâm điều hành thông minh đáp ứng tiêu chí an toàn an ninh thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 708/BTTTT-ATTT theo định hướng CLOUD.

f) Nâng cấp phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu theo dõi thực hiện nhiệm vụ các cấp có liên thông dữ liệu với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ, của tỉnh.

h) Tiếp tục ứng dụng các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của huyện (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nội bộ của huyện và cấp xã và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử để trao đổi, chia sẻ dữ liệu.

g) Tiếp tục duy trì Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

k) Thường xuyên thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo huyện đảm bảo đầy đủ các chức năng, tính năng theo quy định.

(Nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn phòng - Thống kê xã

a) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cán bộ, công chức có liên quan thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2025 đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ; tổng hợp báo cáo UBND xã kết quả thực hiện.

b) Tham mưu UBND xã ban hành kế hoạch hàng năm, triển khai thực hiện Chỉ số CCHC áp dụng đối với UBND xã; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai việc khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

c) Tham mưu trình UBND xã, Chủ tịch UBND xã quyết định các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn. Tham mưu và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: CCHC, nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao; xây dựng chính quyền điện tử; nhiệm vụ công tác văn thư lưu trữ; công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; vị trí việc làm, quản lý công vụ, cán bộ, công chức.

d) Tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC do cấp trên tổ chức.

đ) Tham mưu UBND xã trình UBND huyện khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện CCHC.

e) Phối hợp với Công chức Văn hóa - xã hội tham mưu, thực hiện việc chính quyền điện tử, chính quyền số.

f) Tổ chức chấm điểm và sử dụng có hiệu quả Hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC xã.

2. Công chức Tư pháp xã

Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách thể chế; theo dõi và tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế. Triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức.

3. Công chức Tài chính - Kế toán xã

Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính công; phân cấp QLNN về quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

Hướng dẫn các cán bộ, công chức trong việc quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo đúng quy định. Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC của xã theo kế hoạch.

4. Công chức Văn hóa - xã hội xã

Chủ trì, theo dõi và phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: công tác tuyên truyền về CCHC; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Thực hiện việc tổng hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

Phối hợp Đài truyền thanh xã tuyên truyền các nội dung về CCHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và Nhân dân về công tác CCHC; phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống các hành vi phạm pháp luật, các hiện tượng tiêu cực trong triển khai, thực hiện công tác CCHC.

5. Công chức Địa chính xã

Chịu trách nhiệm trước UBND xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về quản lý đất đai, môi trường.

6. Công chức Văn hóa - xã hội (phụ trách LĐTBXH)

Chịu trách nhiệm trước UBND xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội.

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước xã Trung Trắc năm 2025, yêu cầu cán bộ, công chức địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Văn phòng để tổng hợp, báo cáo UBND xã kịp thời chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (để báo cáo);
- Phòng Nội vụ (để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Các thôn;
- Đài truyền thanh xã;
- Bộ phận một cửa xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn